

GRAMMAR TEST 1

Part 1: Chọn đúng (TRUE) hoặc sai (FALSE) cho các mô tả về tranh sau đây:



This is a bike.

TRUE

FALSE



These are trains.

TRUE

FALSE



These are sheep.

TRUE

FALSE



This is a mango.

TRUE

FALSE



This is a horse.

TRUE

FALSE

Part 2: Chuyển các danh từ số ít sau sang danh từ số nhiều:

Ví dụ: a book – books

- | | | | |
|------------|-------|-------------|-------|
| 1. a table | _____ | 6. a toy | _____ |
| 2. a leaf | _____ | 7. a sheep | _____ |
| 3. a foot | _____ | 8. a potato | _____ |
| 4. a mouse | _____ | 9. a kiss | _____ |
| 5. a candy | _____ | 10. a woman | _____ |

Part 3: Đọc các câu và chọn lỗi sai, sau đó sửa lại cho đúng:

1. There is seven monkeys in the tree. _____
2. We is from Vietnam. _____
3. That is a apple. _____
4. Those is my books. _____
5. We doesn't take a shower in the morning. _____

Part 4: Điền "is / am/ are/ do/ does" vào chỗ trống sao cho thích hợp.

1. What's your name? - My name _____ Hung.
2. There _____ ten children in the yard.
3. How many legs _____ you have? - I have two legs.
4. How old _____ you? - I'm twenty years old.
5. What can she do? - She _____ climb and swim.
6. What's your favourite color? - My favourite color _____ green.
7. _____ she go to bed at 10 pm? - Yes, she does.
8. How many books _____ there in your bag?
9. What _____ she do? - She is a doctor.
10. This _____ my father.

Part 5: Chọn đáp án đúng:

1. He never *drink/ drinks* orange juice.
2. Linda *have/ has* a new bike.
3. We *go/ goes* to school by car every day.
4. My mom and dad often *watch/ watches* TV before going to bed.
5. It *like/ likes* chicken.
6. *Do/ Does* you brush your teeth every evening?
7. I *doesn't have/ don't have* breakfast with my mom every morning.
8. Maria *is/ are* a Maths teacher.
9. My uncle *don't like/ doesn't like* cats.
10. *Do/ Does* Mark have English on Tuesday?

Part 6: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc vào chỗ trống:

1. My dad always _____ a white blouse in the hospital. (**wear**)
2. _____ he _____ to bed at 10 pm? (**go**)
3. Mark usually _____ TV before having dinner. (**watch**)
4. They _____ breakfast every morning. (**not have**)
5. My friends _____ in a big house. (**live**)

Part 6: Đọc đoạn văn và lựa chọn đúng (True) hoặc sai (False):

My name is Mary. I'm seven years old. I have one brother and two sisters. They are all younger than me. My mum is a nurse. My dad isn't a nurse. He is a farmer. We are very happy because today is Sunday and we don't go to school.

- | | | |
|----------------------------|------|-------|
| 1. She is seven years old. | TRUE | FALSE |
| 2. She has two brothers. | TRUE | FALSE |
| 3. Her mum is a doctor. | TRUE | FALSE |
| 4. It's Sunday today. | TRUE | FALSE |

Part 7: Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh:

1. It is and sunny hot.

2. Would some like you fish?

3. Do a have you horse?

4. I art on have and science Monday.

5. I get at am. up 6.15
